TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2023/DS-ST
Ngày: 20-11-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Xuân Thủy.

2. Ông Hoàng Đình Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa:* Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 410/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị M, sinh năm: 1965; Trú tại: Ấp P, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1964; Địa chỉ: Khu phố 2, Phường 4, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 19-6-2023) (có mặt).

2. Bị đơn**:** Ông Phạm Văn Đ, sinh năm: 1969; Trú tại: ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 6 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Mai Thị M là bà Nguyễn Thị L trình bày***

Ngày 19-11-2018, thông qua người em vợ là chị Nguyễn Thị Huệ (tên gọi khác: Được), sinh năm 1982, ngụ ấp Phước Tân 1, xã Phan, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, ông Phạm Văn Đ có liên hệ bà M vay 55.000.000 đồng để nhờ bà Trần Thị M1, sinh năm 1957, ngụ ấp Phước Tân 1, xã Phan, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh làm thủ tục đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan (tổng số tiền cần để làm thủ tục là 65.000.000 đồng, ông Đ đã giao cho bà Mai 10.000.000 đồng nên chỉ vay thêm 55.000.000 đồng). Hai bên có lập giấy nợ và ông Đ ký tên nhận nợ, thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng và khi làm việc ở Đài Loan về sẽ trả. Tuy nhiên, cho đến nay, ông Đ đã về Việt Nam, bà M nhiều lần liên hệ nhưng ông Đ vẫn chưa thanh toán nợ.

Trong đơn khởi kiện, bà M yêu cầu ông Đ thanh toán số tiền nợ gốc là 55.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi 0,75%/tháng tính từ khi vay cho đến khi xét xử.

Tại phiên tòa, bà M rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu ông Đ thanh toán số tiền nợ gốc là 55.000.000 đồng.

**** Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn - ông Phạm Văn Đ - trình bày***

Ông không quen biết bà M, chỉ quen biết với bà Trần Thị M1. Trước đây năm 2018, do biết bà M1 có giúp em rễ ông là Nguyễn Minh L (chồng chị Nguyễn Thị H (Đ1)) đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan nên ông liên hệ với bà M1 nhờ làm thủ tục sang Đài Loan làm việc. Khi ông đến gặp bà M1 thì cũng có mặt bà M, nhưng bà M không tham gia vào câu chuyện giữa ông và bà M1.

Ông xác định chữ viết và chữ ký tên trong giấy nợ do bà M cung cấp không phải của ông nhưng ông không yêu cầu trưng cầu giám định. Khi đến liên hệ, bà Mai nói ông đi theo diện du lịch và nếu làm có thu nhập thì mới phải trả 7.000.000 đồng/tháng cho bà M1 cho đến khi đủ 65.000.000 đồng, nếu không làm được thì không phải trả bất kỳ khoản nào (các nội dung này chỉ thỏa thuận miệng). Ông đã đưa cho bà M1 12.000.000 đồng để mua vé máy bay. Tuy nhiên, khi sang Đài Loan, do không thích nghi được cuộc sống nên ông chỉ làm được

06 ngày và trở về Việt Nam sau đúng 10 ngày xuất cảnh.

Ông không vay tiền của bà M nên không đồng ý trả 55.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đều đã tuân thủ theo đúng quy định. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi. Việc rút yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà M cung cấp giấy tay đề là "Giấy mượn nợ" có chữ ký tên người vay là "Phạm Văn Đ", nội dung vay số tiền 55.000.000 đồng. Ông Đ xác định không vay tiền của bà M, chữ ký và chữ viết trong giấy nợ không phải của ông, tuy nhiên, ông không yêu cầu trưng cầu giám định để chứng minh cho lời trình bày của mình.

[2.2] Trong khi đó, chứng cứ nêu trên do bà M cung cấp cùng lời khai của bà M phù hợp với lời khai của ông Đ về việc trước đó bà M cũng đã cho nhiều người quen của ông Đ vay số tiền 65.000.000 đồng để làm thủ tục đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Tuy không thừa nhận vay tiền nhưng ông Đ lại trình bày "*nếu sang Đài Loan làm việc được thì sẽ trả cho bà Mai 7.000.000 đồng/tháng cho đến khi đủ 65.000.000 đồng*", nghĩa là ông Đ biết rõ tổng chi phí phải thanh toán cho bà Mai là 65.000.000 đồng.

[2.3] Việc ông Đ cho rằng chỉ thỏa thuận với bà Mai nếu sang Đài Loan làm việc được thì sẽ trả cho bà M1 7.000.000 đồng/tháng không được bà M1 thừa nhận (tại Biên bản đối chất ngày 19-10-2023), ông Đ xác định đây chỉ là thỏa thuận miệng, không có chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[2.4] Hiện có bà Nguyễn Thị H (Đ1) (là em vợ của ông Đ và cũng là người giới thiệu ông Đ đến gặp bà Mai, bà M) đã giải quyết đồng ý thanh toán số nợ 65.000.000 đồng với bà M tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 186/2023/QĐST-DS ngày 09-8-2023 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Tương tự, anh Lê Quốc C (là em chồng của bà H (Đ1) đã giải quyết đồng ý thanh toán khoản vay với bà M để làm thủ tục lao động ở Đài Loan tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 145/2023/QĐST-DS ngày 27-10-2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

[2.5] Từ những phân tích trên, cho thấy việc ông Đ thỏa thuận vay số tiền 55.000.000 đồng của bà M để làm thủ tục lao động ở Đài Loan là có thật. Bà M xác định ông Đ chưa thanh toán cho bà bất kỳ khoản nào nên yêu cầu khởi kiện của bà M buộc ông Đ thanh toán nợ gốc 55.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm 05% trên số tiền phải trả theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 147, 217, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị M đối với ông Phạm Văn Đ về yêu cầu thanh toán tiền lãi, bà Mai Thị M không yêu cầu tính lãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị M đối với ông Phạm Văn Đ về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Phạm Văn Đ có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị M số tiền là 55.000.000 (năm mươi lăm triệu) đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn Đ phải chịu 2.750.000 (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Mai Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà M tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.940.125 (một triệu chín trăm bốn mươi nghìn một trăm hai mươi lăm) đồng theo biên lai thu tiền số 0018749 ngày 21-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Quyên